

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HUNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2023/HS - ST
Ngày 21/8/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG – TỈNH THÁI BÌNH**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Nhung.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Vĩnh và ông Lê Đình Cự.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Thề - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa: Bà Bà Lại Thị Giang- Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 và ngày 21 tháng 8 năm 2023. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 69/2023/TLST - HS ngày 07/7/2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2023/QĐXXST - HS ngày 04/8/2023, đối với bị cáo:

Nguyễn Xuân D; Giới tính: Nam; sinh ngày 03/9/1994, tại Thôn A, xã L, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình; Tên gọi khác: Không;

Nơi cư trú: Thôn A, xã L, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông : Nguyễn Văn V, con bà Nguyễn Thị L, Có vợ: Trần Thị T, sinh năm 1994 (đã ly hôn); Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2020, con nhỏ sinh năm 2022;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”

(Có mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Mai Đức C, sinh năm 1995,
Trú tại: Thôn Q, xã H, huyện, Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.
2. Trần Trung K, sinh năm 1998;
Trú tại: Thôn Đ, xã M, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

3. Trần Thị Y, sinh năm 1982;
Trú tại: Thôn H, xã L, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

(*Đều vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến vụ án tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Xuân D làm nghề lao động tự do, không có đăng ký kinh doanh trong lĩnh vực cho vay tín dụng. Từ đầu năm 2021 đến tháng 28/01/2023, lợi dụng lúc người vay tiền khó khăn trong việc chi tiêu, làm ăn nên D đã cho 03 người vay tiền với tổng số tiền cho vay là 32.000.000 đồng, mức lãi suất 182,5 %/ năm, gấp 9,125 lần lãi suất cao nhất cho phép quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, thu về số tiền lãi là 82.050.000 đồng, **thu lời bất chính 72.794.000 đồng (làm tròn số)**. Số tiền gốc đã thu về là 12.000.000 đồng, số tiền gốc người vay chưa trả là 20.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Trường hợp người vay là anh Mai Đức C.

Do quen biết với D và cần tiền chi tiêu cá nhân nên ngày 17/6/2021, C đến nhà D hỏi vay số tiền 5.000.000 đồng. D đồng ý. Hai bên thỏa thuận với nhau mức lãi suất 5.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, tức là mỗi ngày mất $0,5\% \times 5.000.000 \text{ đồng} = 25.000 \text{ đồng}$, tương ứng với lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất quy định trong Bộ luật Dân sự. Khi vay tiền, C không hẹn thời gian trả tiền gốc, chỉ hẹn khi có tiền sẽ trả, hàng tháng vào ngày 17 thì C phải trả cho D số tiền lãi là 750.000 đồng, khi vay không có giấy tờ gì. D đã đưa trực tiếp cho C số tiền 5.000.000 đồng. Thời điểm ban đầu trong năm 2021 cứ đúng ngày 17 hàng tháng, gồm các ngày (17/7, 17/8, 17/9, 17/10, 17/11, 17/12/2021) C đều trực tiếp đến nhà D để trả số tiền lãi là 750.000 đồng. Các tháng sau, C dùng số tài khoản 0392950444 thuộc Ngân hàng MB Bank của C để chuyển tiền lãi đến số tài khoản 0051000557125 ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) của D cụ thể: Ngày 17/01/2022: 750.000 đồng; 22/4/2022: 750.000 đồng; 22/6/2022: 700.000 đồng; 01/8/2022: 800.000 đồng; 21/8/2022: 750.000 đồng; 24/9/2022: 750.000 đồng; 31/10/2022: 750.000 đồng; 22/11/2022: 750.000 đồng; 20/12/2022: 750.000 đồng. Ngoài ra chuyển trả tiền lãi vào tài khoản Mbbank của D số 8886688688888888 gồm các ngày 21/02/2022: 750.000 đồng; ngày 17/3/2022: 750.000 đồng; ngày 17/5/2022: 750.000 đồng. Đến ngày 17/01/2023, D liên hệ với C để chốt lãi và yêu cầu trả tiền gốc. Do chưa có tiền nên C đã xin khát lại vài ngày. D đồng ý. Ngày 31/01/2023 C chuyển trả toàn bộ gốc 5000.000 đồng và 750.000 đồng lãi tháng 01/2023. D không yêu cầu phải trả thêm số tiền lãi nếu tính theo ngày còn thiếu là 250.000 đồng. Giao dịch chấm dứt.

Như vậy từ ngày 17/6/2021 đến ngày 17/01/2023 (580 ngày) theo thỏa thuận số

tiền lãi C phải trả cho D là $580 \text{ ngày} \times 25.000 \text{ đồng/ngày} = 14.500.000 \text{ đồng}$. Nhưng thực tế từ 17/6/2021 đến ngày 17/01/2023 hai bên thống nhất thời gian tính lãi là 19 tháng mỗi tháng lãi 750.000 đồng/tháng, C đã trả số tiền là $19 \times 750.000 \text{ đồng} = 14.250.000 \text{ đồng}$ là xong. Số tiền lãi tối đa D được phép thu theo quy định của Bộ luật dân sự là $(5.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày}) \times 580 \text{ ngày} = 1.589.041 \text{ đồng}$.

Số tiền D thu lợi bất chính từ anh C là $14.250.000 \text{ đồng} - 1.589.041 \text{ đồng} = 12.660.959 \text{ đồng}$.

2. Trường hợp người vay là anh Trần Trung K;

Do cần tiền chi tiêu nên vào các ngày 28/4/2021, ngày 02/6/2021 và ngày 15/11/2021, Trần Trung K đã 03 lần vay tiền của D lần lượt là 10.000.000 đồng, 5.000.000 đồng và 5.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận mức lãi suất các khoản vay là 5.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, cứ đủ 30 ngày thì trả lãi. Khi vay tiền, K không hứa hẹn thời gian trả tiền gốc, chỉ hẹn khi có tiền sẽ trả. Khoản vay đầu tiên D yêu cầu K phải viết giấy vay tiền còn các khoản vay sau do tin tưởng nên D không yêu cầu K phải viết giấy tờ vay mượn tiền. (Do tin tưởng nên sau một thời gian D đã vất bỏ giấy vay tiền mà K đã viết đi, không còn lưu giữ lại). Hàng tháng K dùng tài khoản 101869121751 ngân hàng Vietcombank của mình và hai tài khoản của vợ Nguyễn Thị X là 1023056981 thuộc ngân hàng Vietcombank, tài khoản số 1632072426688 thuộc ngân hàng Techcombank để trả cho D. Cụ thể K chuyển khoản trả lãi đến tài khoản Vietcombank của D: Ngày 03/5/2021: 1.500.000 đồng; ngày 02/10/2021: 2.250.000 đồng; ngày 02/11/2021: 1.000.000 đồng; ngày 05/11/2021: 1.250.000 đồng; ngày 02/12/2021: 2.250.000 đồng; ngày 02/01/2022: 2.250.000 đồng; ngày 29/01/2022: 2.250.000 đồng; ngày 03/3/2022: 2.250.000 đồng; ngày 03/4/2022: 2.250.000 đồng.

Ngày 02/6/2021, K trực tiếp đến vay D số tiền 5.000.000 đồng và trả số tiền lãi tháng 6/2021 của khoản vay 10.000.000 đồng là 1.500.000 đồng cho D. Ngày 02/7/2021; 02/8/2021; 02/9/2021 K đều trực tiếp đến nhà D trả số tiền lãi hàng tháng là 2.250.000 đồng. K chuyển khoản trả lãi đến tài khoản Mbbank của D cụ thể: Ngày 10/01/2022: 450.000 đồng; ngày 02/5/2022: 2.250.000 đồng; ngày 02/6/2022: 3.000.000 đồng; ngày 02/7/2022: 3.000.000 đồng; ngày 02/8/2022: 3.000.000 đồng; ngày 02/9/2022: 3.000.000 đồng; ngày 03/10/2022: 3.000.000 đồng; ngày 02/11/2022: 3.000.000 đồng; ngày 02/12/2022: 3.000.000 đồng; ngày 03/01/2023: 3.000.000 đồng. Do kinh tế khó khăn các tháng 12/2021; tháng 01, 02, 03, 04, 05/2022 K đều xin chậm lãi trả thiếu số tiền 750.000 đồng, xin trả sau, D đồng ý. Ngày 30/5/2022, K trực tiếp đến nhà D trả cho D số tiền lãi các tháng còn thiếu tổng số tiền là 4.050.000 đồng.

Ngày 28/01/2023, D thỏa thuận với K lấy lại toàn bộ số tiền gốc của cả 03 khoản vay và chốt lãi đến 28/01/2023. Do chưa có tiền gốc để trả nên K xin khất lại trả

sau và không tính lãi từ 28/01/2023 đến khi trả xong gốc. D đồng ý. Tuy nhiên đến thời điểm D đến tự thú thì K vẫn chưa trả số tiền gốc 20.000.000 đồng. Đối với lãi của 03 khoản vay K đã đầy đủ cho D, cụ thể:

Đối với khoản vay thứ nhất số tiền vay 10.000.000 đồng thời gian tính từ ngày 28/4/2021 đến ngày 28/01/2023 (641 ngày), theo thỏa thuận K phải trả cho D số tiền $50.000 \text{ đồng/ngày} \times 641 \text{ ngày} = 32.050.000 \text{ đồng}$, thực tế đã thu là 31.500.000 đồng. Số tiền lãi tối đa được phép thu là $(10.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày}) \times 641 \text{ ngày} = 3.512.329 \text{ đồng}$. Số tiền D thu lợi bất chính của khoản vay này là $31.500.000 \text{ đồng} - 3.512.329 \text{ đồng} = 27.987.671 \text{ đồng}$.

Đối với khoản vay thứ hai số tiền vay 5.000.000 đồng, thời gian từ ngày 02/6/2021 đến ngày 28/01/2023 (606 ngày), theo thỏa thuận K phải trả cho D số tiền $25.000 \text{ đồng/ngày} \times 606 \text{ ngày} = 15.150.000 \text{ đồng}$, thực tế đã thu là 14.250.000 đồng. Số tiền lãi tối đa được thu là $(5.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày}) \times 606 \text{ ngày} = 1.660.274 \text{ đồng}$. Số tiền D thu lợi bất chính của khoản vay thứ hai là $14.250.000 \text{ đồng} - 1.660.274 \text{ đồng} = 12.589.726 \text{ đồng}$.

Đối với khoản vay thứ ba số tiền vay 5.000.000 đồng, thời gian từ ngày 15/11/2021 đến ngày 28/01/2023 (440 ngày), theo thỏa thuận K phải trả cho D số tiền $25.000 \text{ đồng/ngày} \times 440 \text{ ngày} = 11.000.000 \text{ đồng}$, thực tế đã thu là 10.500.000 đồng. Số tiền lãi tối đa được thu là $(5.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày}) \times 440 \text{ ngày} = 1.205.479 \text{ đồng}$. Số tiền D thu lợi bất chính của khoản vay thứ ba là $10.500.000 \text{ đồng} - 1.205.479 \text{ đồng} = 9.294.521 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng số tiền D đã thu lợi bất chính từ anh K là: $27.987.671 \text{ đồng} + 12.589.726 \text{ đồng} + 9.294.521 \text{ đồng} = 49.872.000 \text{ đồng}$ (làm tròn số)

3. Trường hợp người vay tiền là chị Trần Thị Y:

Ngày 29/12/2021, D đã cho chị Y vay số tiền 7.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, hàng tháng trả lãi. Khi vay không viết giấy biên nhận. Khi vay tiền, không ấn định thời gian trả tiền gốc, chỉ hẹn khi có tiền sẽ trả. Hàng tháng Y sử dụng số tài khoản 0691000403079 thuộc ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) của mình chuyển khoản trả tiền lãi cho D với tài khoản Ngân hàng Vietcombank ngày 29/01/2022: 1.050.000 đồng; Chuyển khoản trả lãi qua tài khoản ngân hàng Mbbank của Dân: Ngày 11/4/2022: 950.000 đồng, ngày 26/4/2022: 750.000 đồng; ngày 12/5/2022: 1.200.000 đồng; ngày 31/5/2022: 1.500.000 đồng; ngày 13/6/2022: 1.050.000 đồng; ngày 13/7/2022: 1.000.000 đồng; ngày 12/10/2022: 1.100.000 đồng; ngày 12/11/2022: 1.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi Y đã trả cho D từ ngày 29/01/2022 đến ngày 29/11/2022 qua tài khoản ngân hàng là: 9.600.000 đồng. Do thời điểm kinh tế khó khăn nên có tháng Y trả đủ tiền lãi nhưng cũng có tháng trả thiếu

nên hai bên thoả thuận sẽ cộng dồn và trả bù trong các tháng tiếp theo. Ngày 29/11/2022 Y đã trực tiếp đến nhà D trả cho D đủ số tiền gốc là 7.000.000 đồng và số tiền lãi còn thiếu là 1.950.000 đồng. D cũng không yêu cầu chị Y phải trả số tiền lãi còn thiếu nếu tính theo ngày cho vay là 210.000 đồng mà xác định đã nhận đủ lãi. Giao dịch giữa D và chị Y đã thực hiện xong.

Theo thỏa thuận chị Y phải trả cho D số tiền $35.000 \text{ đồng/ngày} \times 336 \text{ ngày} = 11.760.000 \text{ đồng}$ nhưng trên thực tế từ tháng 01/2022 đến tháng 11/2022 (11 tháng) chị Y đã cho D là 11.550.000 đồng. Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự mà D được phép thu là $(7.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/365 \text{ ngày}) \times 336 \text{ ngày} = 1.288.767 \text{ đồng}$. Số tiền D thu lợi bất chính từ chị Y là $11.550.000 \text{ đồng} - 1.288.767 \text{ đồng} = 10.261.233 \text{ đồng}$.

Ngày 12/4/2023, Nguyễn Xuân D đến Công an huyện Đông Hưng tự thú về các hành vi phạm tội của mình.

Ngày 13/4/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành khám xét chỗ ở của Nguyễn Xuân D tại thôn A, xã L, huyện Đông Hưng nhưng không phát hiện thu giữ gì.

Về trách nhiệm dân sự: Những người có quyền lợi liên quan đều yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền đã thu lời bất chính cho họ.

Căn cứ vào hành vi phạm tội của bị cáo; Cáo trạng số 67/CT- VKSDH ngày 05/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng đã truy tố bị cáo về tội: “Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng đề nghị HĐXX kết tội bị cáo theo toàn bộ cáo trạng đã truy tố, đồng thời áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm i, r, s khoản 1 Điều 51, Điều 35, Điều 50 Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo phạm tội: “Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

Áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo phạt bị cáo từ 150– 170 triệu đồng thời đề nghị HĐXX xử truy thu số tiền 21.255.561 đồng (bao gồm số tiền gốc là 12.000.000 đồng và lãi được phép thu theo quy định của Bộ luật dân sự là 9.255.561 đồng bị cáo D dùng vào việc phạm tội và do phạm tội mà có; buộc bị cáo phải hoàn số tiền lãi đã thu vượt quá quy định của BLDS cho anh C là 12.660.959 đồng, anh K là 49.872.274 đồng; chị Y là 10.261.233 đồng; truy thu của anh K số tiền nợ gốc anh K chưa trả cho D là 20.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước đồng thời đề nghị xử lý vật chứng, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cụ thể:

Trong khoảng thời gian từ ngày 28/4/2021 đến ngày 28/01/2023, Nguyễn Xuân D đã 03 lần cho Anh Mai Đức C, anh Trần Trung K và chị Trần Thị Y với vay lãi nặng trong với tổng số tiền 32.000.000 đồng với mức lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000

đồng/1 ngày tương đương 182,5%/năm vượt mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự 9,125 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự, thu lời bất chính là **72.794.439** đồng.

Bị cáo xác định cáo trạng truy tố bị cáo về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là đúng pháp luật vì vậy không trình bày lời bào chữa, cũng không có ý kiến tranh luận về tội danh, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, điều luật áp dụng, mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị. Những người liên quan gồm anh C, anh K, chị Y **vắng mặt tại phiên tòa** không có ý kiến tranh luận.

Khi nói lời sau cùng bị cáo D trình bày đến nay bị cáo biết việc mình làm là sai, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi quyết định tố tụng:

Các tài liệu chứng cứ do Điều tra viên, Kiểm sát viên thu thập trong quá trình điều tra vụ án đã tuân thủ các quy định của pháp luật. Đó là các tài liệu hợp pháp chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo. Căn cứ vào các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Hưng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ xác định có tội, căn cứ xác định vô tội:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa đúng như lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với cáo trạng số 67/CT - VKSDH ngày 05/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng đã truy tố.

Lời khai nhận tội của bị cáo còn phù hợp với Lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm: Anh Mai Đức C, anh Trần Trung K, chị Trần Hải Y và còn phù hợp với lịch sử giao dịch tiền của bị cáo, những người liên quan khi trả tiền cho bị cáo, phù hợp các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Do vậy có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 28/4/2021 đến ngày 28/01/2023, Nguyễn Xuân D đã 03 lần cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với: anh Mai Đức C, anh Trần Trung K, chị Trần Thị Y với tổng số tiền cho vay là 32.000.000 đồng với mức lãi suất là 182,5%/năm vượt mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự 9,125 lần, thu lời bất chính là 72.794.439 đồng.

Tất cả các lần cho vay đều có số tiền thu lợi bất chính dưới 30.000.000 đồng, các hành vi này chưa lần nào bị xử phạt vi phạm hành chính. Căn cứ khoản 2, Điều 7, Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hành vi của Nguyễn Xuân D đã phạm vào tội “Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

[3] Về tính chất mức độ hậu quả hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người vay tiền. Vì vậy, việc đưa vụ án ra xét xử và áp dụng một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo mới có tác dụng răn đe giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo ra tự thú, thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[5] Về hình phạt bổ sung: Do đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo .

[6] Về các biện pháp tư pháp:

[6.1] Đối với các khoản tiền gốc và các khoản tiền lãi được phép thu theo quy định của Bộ luật dân sự những người liên quan đã trả cho bị cáo chính là số tiền bị cáo dùng vào việc phạm tội cần truy thu của bị cáo để sung quỹ nhà nước cụ thể:

Truy thu của D khoản tiền anh C đã trả cho bị cáo là 6.589.041 đồng. Trong đó tiền gốc là 5.000.000 đồng và số tiền lãi được phép thu theo quy định của bộ luật dân sự mà anh C đã trả cho bị cáo là 1.589.041 đồng.

- Truy thu của D khoản tiền lãi được phép thu theo quy định của bộ luật dân sự đối với 03 khoản vay mà anh K đã trả cho D gồm khoản vay ngày 28/4/2021 là 3.512.000 đồng, vay ngày 02/6/2021 là 1.660.274 đồng, khoản vay ngày 15/11/2021 là 1.205.479 đồng tổng là 6.377.753 đồng

- Truy thu của D toàn bộ số tiền chị Y đã trả cho D là 8.288.767 đồng. Trong đó tiền gốc chị Y đã trả là 7.000.000 đồng và số tiền lãi được phép thu theo quy định của bộ luật dân sự mà chị Y đã trả cho bị cáo là 1.288.767 đồng.

[6.2] Đối với toàn bộ số tiền gốc 20.000.000 đồng mà anh K còn nợ chưa trả bị cáo cần truy thu của anh K để sung quỹ nhà nước.

[6.3] Đối với khoản tiền lãi bị cáo D đã thu vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự của những người liên quan cần buộc bị cáo D phải hoàn trả cho những người có quyền lợi liên quan trong đó: Trả cho anh C là 12.660.959 đồng, Trả cho anh K 49.872.274 đồng. Trả cho chị Y là 10.261.233 đồng.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. **Về tội danh:** Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân D phạm tội: “Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

2. **Về hình phạt và điều luật áp dụng:** Áp dụng Khoản 1 Điều 201, Các điểm i, r, s Khoản 1 Điều 51, Điều 35; Điều 50 Bộ luật hình sự.

Phạt Nguyễn Xuân D số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng sung quỹ nhà nước.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Xuân D

3. **Về các biện pháp tư pháp:** Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự.

3.1. Truy thu của bị cáo Nguyễn Xuân D số tiền 21.255.500 đồng bao gồm số tiền gốc là 12.000.000 đồng và lãi được phép thu theo quy định của bộ luật dân sự là 9.255.500 đồng, (làm tròn số) mà anh C, anh K, chị Y đã trả cho bị cáo để sung quỹ nhà nước.

3.2 Truy thu của anh Trần Trung K, sinh năm 1995, HKTT: thôn Đ, xã M, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình số tiền 20.000.000 đồng là số tiền gốc anh K chưa trả bị cáo D để sung quỹ nhà nước;

3.3 Buộc bị cáo Nguyễn Xuân D phải hoàn trả số tiền lãi bị cáo đã thu vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự cho:

- Anh Mai Đức C, sinh năm 1995, HKTT: thôn Q, xã H, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình số tiền là 12.660.959 đồng;

- Anh Trần Trung K, sinh năm 1995, HKTT: thôn Đ, xã M, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình số tiền là 49.872.274 đồng.

- Chị Trần Thị Y, sinh năm 1982, HKTT: thôn H, xã L, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình số tiền là 10.261.233 đồng.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án lệ phí Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Xuân D phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án ngày 21/8/2023, với với anh C, anh K chị Y vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo
- Người có quyền lợi liên quan
- Công an huyện Đông Hưng
- VKSND huyện Đông Hưng
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình.
- T.HADS huyện Đông Hưng
- UBND xã L, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Đã ký

Hà Thị nhung

